

BASEL III: QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

ThS. Nguyễn Thị Ánh Ngọc
ThS. Nguyễn Thị Diễm *

■ Ngày nhận bài: 15/02/2023 ■ Ngày biên tập: 20/02/2023 ■ Ngày duyệt đăng: 23/02/2023

Tóm tắt: Hiện nay, bên cạnh Basel II, nhiều ngân hàng Việt Nam cũng đã áp dụng Basel III, IFRS 9. Đây là chuẩn mực quốc tế giúp các ngân hàng nâng cao quản trị rủi ro và cạnh tranh hơn so với các đối thủ cùng Ngành. Bên cạnh đó, điều này cũng góp phần giúp hệ thống tổ chức tín dụng nói chung phát triển hiệu quả và bền vững. Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc ứng dụng Basel III vẫn còn nhiều vướng mắc bởi Hiệp ước này có những yêu cầu cao hơn và khắt khe hơn. Bài viết trình bày thực trạng về triển khai Basel III tại Việt Nam trong những năm gần đây và chỉ ra một số rào cản trong quá trình thực hiện, từ đó, đề xuất một số khuyến nghị trong thời gian tới.

Từ khóa: Basel III, ngân hàng thương mại, Việt Nam.

BASEL III: IMPLEMENTATION IN VIETNAM AND SOME RECOMMENDATIONS

Abstract: Currently, besides Basel II, many Vietnamese commercial banks have also applied for Basel III, IFRS 9. These are international standards that help banks improve risk management and be more competitive than their competitors in the industry. In addition, this also contributes to the effective and sustainable development of the credit institutions system in general. However, in Vietnam, the application of Basel III still has many obstacles because this treaty has higher and stricter requirements. The article analyzes the current situation of Basel III implementation in Vietnam in recent years and points out some barriers in the implementation process; from which, some recommendations are proposed for future implementation.

Keywords: Basel III, commercial bank, Vietnam.

1. Giới thiệu

Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (BCBS) là tổ chức được thành lập vào năm 1974 bởi một nhóm các ngân hàng trung ương và cơ quan giám sát của 10 nước phát triển (G10) tại thành phố

Basel, Thụy Sĩ nhằm tìm cách ngăn chặn sự sụp đổ hàng loạt của các ngân hàng vào thập kỉ 80. Ủy ban Basel và các tiểu ban sẵn sàng đưa ra những lời tư vấn cho các cơ quan giám sát hoạt động ngân hàng ở tất cả các nước.

Vào năm 1988, Ủy ban đã quyết định giới thiệu hệ thống đo lường

vốn là Hiệp ước vốn Basel hay còn gọi là Basel I. Hệ thống này cung cấp khung đo lường rủi ro tín dụng với tiêu chuẩn vốn tối thiểu 8%. Basel I không chỉ được phổ biến trong các quốc gia thành viên mà còn được phổ biến ở hầu hết các nước khác có các ngân hàng hoạt động quốc tế. Tuy vậy, Hiệp

* Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Phân hiệu Vĩnh Long

ước vẫn có khá nhiều điểm hạn chế và đến ngày 26/6/2004, bản Hiệp ước quốc tế về vốn Basel mới (Basel II) đã chính thức được ban hành. Đây cũng là bản Hiệp ước Basel được nhắc đến nhiều nhất tại Việt Nam.

Cuộc cải cách hệ thống ngân hàng vẫn tiếp tục, nhất là sau khi xảy ra khủng hoảng tài chính toàn cầu giai đoạn 2008 - 2009. Đến năm 2010, khuôn khổ Basel III được hình thành nhằm khắc phục những hạn chế của Basel trước và cung cấp thêm nền tảng bền vững, ngăn ngừa những tổn thất có thể xảy ra trong tương lai.

Nếu mục tiêu chủ yếu của Basel I, Basel II là nâng cao chất lượng, sự ổn định hệ thống của ngân hàng và đẩy mạnh áp dụng thông lệ quốc tế thì Basel III hướng đến khắc phục những hạn chế về quy định vốn, nâng cao và siết chặt quản trị rủi ro. Nhờ đó, các ngân hàng thương mại (NHTM) có thể cải thiện khả năng ứng phó, tự giải thoát trước khủng hoảng tài chính.

Một trong những thay đổi chủ yếu của Basel III là nâng tỉ trọng và chất lượng vốn. Khuôn khổ Basel III yêu cầu các ngân hàng nắm giữ lượng vốn cao hơn với chất lượng cao hơn nhằm bù đắp những thiệt hại không kì vọng. Thay đổi chính trong Basel III đầu tiên là nâng tỉ trọng và chất lượng vốn. Cụ thể, tỉ lệ vốn cấp 1 tăng từ 4% trong Basel II lên 6% trong Basel III. Bên cạnh đó, Basel III cũng đã yêu cầu bổ sung phần vốn đệm dự phòng tài chính. Ngoài ra, Basel III nâng cao khả năng nắm bắt rủi ro, trong đó, tăng đáng kể yêu cầu về vốn để đối phó với rủi ro thị trường,

được tính toán để phòng áp lực thị trường trong 12 tháng. Theo quy định của Basel III, các ngân hàng cũng được yêu cầu cải thiện thanh khoản. Cụ thể, các ngân hàng phải duy trì đủ lượng tài sản có khả năng chuyển đổi sang tiền mặt trong 30 ngày vào thời kì khó khăn. Tỉ lệ nguồn quỹ ổn định ròng khuyến khích các ngân hàng hạn chế sai lệch kì hạn giữa tài sản có và tài sản nợ... Rõ ràng Basel III có những quy định nghiêm ngặt hơn nhằm hạn chế tối đa rủi ro khi khủng hoảng xảy ra.

Tại Việt Nam, hiện tại đã có trên 20 NHTM triển khai Basel II theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỉ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thực tế, khung pháp lí của Việt Nam mới chỉ khuyến khích Basel II, vì Basel III có những yêu cầu cao hơn và khắt khe hơn. Cụ thể, Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025 định hướng năm 2030 nêu rõ, đến năm 2020 các NHTM cơ bản có mức vốn tự có theo chuẩn mực Basel II. Đến 2025, tất cả NHTM áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, triển khai thí điểm Basel II theo phương pháp nâng cao (Quỳnh Trang, 2022).

Đối với Basel III, hiện chưa có bất kì quy định nào bắt buộc phải áp dụng toàn bộ tiêu chuẩn này cho các ngân hàng ở Việt Nam. Tuy nhiên, một số NHTM cũng đã tiên phong trong việc triển khai Basel III vì việc tuân thủ các chuẩn mực Basel có ý nghĩa quan trọng với các ngân hàng trong bối cảnh hiện nay khi NHNN sẽ ưu

tiên xét duyệt tín dụng cho những ngân hàng có mức độ dồi dào về vốn chủ sở hữu, tỉ lệ an toàn vốn (CAR) cao, năng lực quản trị rủi ro tốt (thể hiện qua việc thực hiện Basel II, Basel III, IFRS 9...). Không những vậy, điều này còn giúp ngân hàng cải thiện xếp hạng tín nhiệm và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

2. Tổng quan về Basel III và quá trình thực hiện tại Việt Nam

2.1. Tổng quan về Basel III

Vào tháng 11/2010, các quốc gia thành viên của Nhóm 20 (G20) đã chính thức thông qua Basel III, thể hiện sự khác biệt rõ rệt so với triết lí và nội dung của Basel I và Basel II nhằm giúp cho các ngân hàng đáp ứng tất cả các yêu cầu về quản trị rủi ro. Basel III ra đời ngay sau khi xảy ra sự kiện khủng hoảng tài chính những năm 2007 - 2009 và được quốc tế khuyến nghị nên áp dụng từ ngày 01/01/2023 nhằm duy trì tỉ lệ đòn bẩy thích hợp và đáp ứng các yêu cầu về vốn nhất định. Trong khi các cải cách được đưa ra trong Basel I và Basel II hầu như chỉ được thực hiện ở cấp độ an toàn vì mô hoặc ngân hàng cụ thể, Basel III đưa ra một bộ công cụ và tiêu chuẩn ở cấp độ an toàn vĩ mô nhằm giải quyết các rủi ro trong hệ thống tài chính toàn cầu.

Basel III là một tập hợp các biện pháp cải cách toàn diện được thiết kế để cải thiện quy định, giám sát và quản lí rủi ro trong lĩnh vực ngân hàng. Hiệp ước Basel III được dựa trên các tài liệu về Basel I và Basel II nhằm tìm cách cải thiện năng lực của ngành Ngân hàng để đối phó với căng thẳng tài chính và kinh tế, cải thiện



Basel III giúp ngân hàng cải thiện xếp hạng tín nhiệm và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế

quản lý rủi ro và tăng cường tính minh bạch của ngân hàng. Trọng tâm của Basel III là thúc đẩy khả năng phục hồi cao hơn ở cấp ngân hàng riêng lẻ để giảm nguy cơ các cú sốc trên toàn hệ thống và ngăn chặn các cuộc khủng hoảng kinh tế trong tương lai. Cụ thể, Basel III đưa ra các yêu cầu mới liên quan đến vốn pháp định mà theo đó các ngân hàng lớn có thể chịu đựng được những thay đổi theo chu kỳ trên bảng cân đối kế toán. Bên cạnh đó, Basel III cũng đưa ra các yêu cầu về đòn bẩy và thanh khoản nhằm bảo vệ, chống lại việc vay quá hạn mức, đồng thời đảm bảo các ngân hàng có đủ thanh khoản trong thời kỳ căng thẳng tài chính.

Basel III là chuẩn mực quản trị rủi ro uy tín được áp dụng rộng rãi trên quốc tế và đang được hệ thống ngân hàng Việt Nam hướng đến, thông qua việc nâng cao chất lượng về vốn và năng lực thanh khoản theo yêu cầu của chuẩn mực, giúp các NHTM trang bị

khả năng chống đỡ tốt hơn trước những căng thẳng thanh khoản; đồng thời tạo nền tảng cho một hệ thống ngân hàng bền vững có sức chống chịu biến cố, khả năng phục hồi sau biến cố và góp phần ngăn ngừa những tổn thất hệ thống có thể xảy ra.

Những thay đổi chủ yếu của Hiệp ước Basel III:

Một là, nâng tỉ trọng và chất lượng vốn

Cải cách yêu cầu các ngân hàng nắm giữ lượng vốn cao hơn và với chất lượng cao hơn nhằm bù đắp những thiệt hại không kì vọng. Cụ thể, nâng tỉ trọng vốn cấp I tối thiểu lên 6% (cao hơn quy định Basel II là 4%). Trong đó, nguồn vốn chất lượng cao phải chiếm ít nhất 3/4 lượng vốn này (tỉ trọng cổ phần thường và lợi nhuận giữ lại), các ngân hàng chiến lược toàn cầu (G-SIBs) phải tuân thủ yêu cầu về vốn tăng thêm này. Đồng thời, tỉ lệ vốn của cổ đông thường được tăng từ 2% lên 4%. Bên cạnh đó,

Basel III cũng đã yêu cầu bổ sung phần vốn đệm dự phòng tài chính đảm bảo bằng vốn chủ sở hữu là 2,5% và tỉ lệ vốn đệm phòng ngừa suy giảm theo chu kỳ kinh tế có thể được thiết lập với tỉ lệ từ 0 - 2,5% tùy theo từng quốc gia và phải được đảm bảo bằng vốn chủ sở hữu phổ thông.

Bên cạnh đó, tỉ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) trong Basel III không chỉ đơn thuần dựa trên yếu tố định lượng là kì hạn còn lại, mà còn xem xét đến các yếu tố hành vi, nguồn gốc, hệ số rủi ro và cấu trúc tài sản và nợ của một ngân hàng để xác định sức mạnh thanh khoản. Theo đó, các nguồn huy động từ cá nhân và doanh nghiệp nhỏ có kì hạn còn lại dưới 01 năm là nguồn vốn ổn định, áp dụng hệ số từ 90 - 95%. Đối với nguồn huy động doanh nghiệp, áp dụng hệ số chặt chẽ hơn là 50%. Nguồn vốn ổn định cần thiết cũng tách riêng các tài sản của ngân hàng theo bản chất để từ đó xác định nhu cầu nguồn vốn ổn định phải đi huy động nhằm đảm bảo NSFR trên 100% mà vẫn duy trì khả năng sinh lời tốt.

Hai là, nâng cao khả năng nắm bắt rủi ro

Basel III tăng đáng kể yêu cầu về vốn để đối phó với rủi ro thị trường, được tính toán để phòng áp lực thị trường trong 12 tháng. Khung cải cách cũng bao gồm việc điều chỉnh rủi ro tín dụng. Cụ thể, rà soát lại cách tiếp cận chuẩn mực về tính toán rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, điều chỉnh giá trị tín dụng và rủi ro hoạt động, nâng cao tính nhạy cảm về rủi ro và khả năng so sánh rủi ro. Mục tiêu của việc hạn chế sử dụng các mô hình nội bộ là giảm mức độ

biến đổi không bảo đảm trong việc tính toán tài sản có trọng số rủi ro (RWAs) của ngân hàng.

Ba là, điều chỉnh tỉ lệ đòn bẩy bắt buộc

Tỉ lệ đòn bẩy bắt buộc được xây dựng dựa trên những khoản vay nợ để tài trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng, góp phần hạn chế rủi ro, giảm đòn bẩy trong thời kì suy giảm. Trong đó, các ngân hàng chiến lược toàn cầu phải duy trì tỉ lệ đòn bẩy cao hơn.

Bốn là, cải thiện thanh khoản ngân hàng

Tỉ lệ thanh khoản bảo đảm đòi hỏi các NHTM phải duy trì đủ lượng tài sản có khả năng chuyển đổi sang tiền mặt trong 30 ngày tại thời kì khó khăn. Tỉ lệ nguồn quỹ ổn định ròng khuyến khích các ngân hàng hạn chế sai lệch kì hạn giữa tài sản có và tài sản nợ.

Năm là, hạn chế tính chu kì

Các ngân hàng cần giữ lại lợi nhuận để hình thành nguồn vốn đệm trong những giai đoạn kinh tế tăng cao và nguồn vốn đệm này có thể giảm trong thời kì kinh tế khó khăn.

Sáu là, tập trung vào tài sản rủi ro

Trong giai đoạn đầu, Basel III tập trung chủ yếu vào phần vốn khi tính toán tỉ trọng vốn (tử số), cải cách vào năm 2017 tập trung vào việc tính toán mẫu số trong công thức tính RWAs.

Nguồn vốn đầu tư của ngân hàng bắt nguồn từ nguồn vốn tự có và nguồn vốn vay như tiền gửi của khách hàng. Vốn điều chỉnh đòi hỏi các ngân hàng phải hấp thụ được lỗ, góp phần hạn chế nguy cơ vỡ nợ và tác động tiêu cực kèm theo. Nguồn vốn

điều chỉnh bao gồm: (i) Vốn cổ phần cấp 1: Cổ phần thường, lợi nhuận giữ lại và những khoản dự trữ khác; (ii) Vốn cấp 1 bổ sung: Những công cụ vốn không cố định thời hạn đáo hạn; (iii) Vốn cấp 2: Nợ thứ cấp và dự trữ rủi ro tín dụng chung.

Tỉ trọng vốn rủi ro được tính bằng tỉ trọng giữa nguồn vốn điều chỉnh so với phần tài sản rủi ro. Tài sản rủi ro càng lớn, nguồn vốn điều chỉnh càng tăng cao và ngược lại.

Bảy là, nâng cao khả năng xử lí rủi ro tín dụng

Hiện nay, có hai cách tiếp cận rộng rãi để tính toán rủi ro tín dụng là cách tiếp cận chuẩn mực và cách tiếp cận dựa trên đánh giá nội bộ. Phần lớn các ngân hàng trên thế giới sử dụng cách tiếp cận chuẩn mực (SA) để tính toán rủi ro tín dụng. Theo đó, các cán bộ giám sát điều chỉnh các quyền số rủi ro mà ngân hàng áp dụng để phát hiện rủi ro, qua đó xác định RWAs. Nghĩa là, các ngân hàng không sử dụng mô hình nội bộ để tính toán RWAs. Những thay đổi chính trong SA khi tính toán rủi ro tín dụng bao gồm:

- Nâng cao mức độ nhạy cảm rủi ro tín dụng, trong khi duy trì SA để tính toán rủi ro tín dụng một cách đơn giản - cung cấp cách tiếp cận quyền số rủi ro chi tiết hơn thay vì quyền số rủi ro đồng đều, nhất là đối với tín dụng tiêu dùng và cho vay đối với bất động sản, thương mại.

- Giảm sự phụ thuộc vào cơ quan xếp hạng tín dụng bên ngoài. Điều này đòi hỏi các ngân hàng phải quản lí thật thận trọng khi sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng bên ngoài và có cách tiếp

cận không xếp hạng thật chi tiết để xử lí theo pháp luật mà không thể hoặc không muốn lệ thuộc vào cơ quan xếp hạng bên ngoài.

Trong chừng mực nào đó, cách tiếp cận xếp hạng nội bộ (IRB) về tính toán rủi ro tín dụng cho phép các ngân hàng sử dụng mô hình nội bộ để ước lượng rủi ro tín dụng và RWAs. Cải cách Basel III năm 2017 (cải cách 2017) đã chỉ ra một số hạn chế khi ước lượng các tham số rủi ro. Có hai cách tiếp cận IRB cơ bản là IRB cơ sở (F-IRB) và IRB tiên tiến (A-IRB).

Thay đổi chính trong cách tiếp cận IRB để đánh giá rủi ro tín dụng gồm: (i) Loại bỏ sự lựa chọn của các định chế tài chính và những tập đoàn lớn khi sử dụng A-IRB để phát hiện rủi ro; (ii) Nếu ngân hàng vẫn duy trì cách tiếp cận IRB thì cần giảm thiểu mức áp dụng để tính toán khả năng vỡ nợ và tính toán những đầu vào khác.

Tám là, đơn giản hóa cách thức xử lí rủi ro hoạt động

Khủng hoảng tài chính đã nhấn mạnh những yếu kém trong việc tính toán yêu cầu về vốn đối với rủi ro hoạt động, hoặc rủi ro thiệt hại do quy trình nội bộ sai lầm hoặc không đầy đủ, bắt nguồn từ yếu tố con người, hệ thống hay những sự kiện bên ngoài. Trong đó, yêu cầu về vốn không đủ để bù đắp những thiệt hại do một số ngân hàng gây ra. Nếu sử dụng mô hình nội bộ thì rất khó dự báo nguồn gốc của những thiệt hại đó như tiền phạt do quản lí kém hay hệ thống yếu kém và thiếu kiểm soát.

Cải cách 2017 bao gồm: Đơn giản hóa khung tiếp cận bằng cách thay thế 04 cách tiếp cận hiện hành bằng cách tiếp cận chuẩn



mức riêng; tạo ra khung khổ nhạy cảm hơn nhờ kết hợp cách tính toán tính xảo về thu nhập ròng với mức lỗ lịch sử của nội bộ ngân hàng trong 10 năm; việc loại bỏ sự lựa chọn khi sử dụng cách tiếp cận đa dạng và sự lựa chọn khi sử dụng mô hình nội bộ tạo thuận lợi cho việc so sánh RWAs giữa các ngân hàng.

Chín là, nâng tỉ trọng đòn bẩy đối với những ngân hàng lớn

Theo quy định Basel III, tỉ lệ đòn bẩy áp dụng cho các ngân hàng quốc tế tối thiểu là 3% đối với vốn cấp 1, qua đó có thể hạn chế hình thành đòn bẩy quá mức. Tỉ trọng đòn bẩy hỗ trợ cho mỗi ngân hàng chiến lược toàn cầu sẽ điều chỉnh ở tỉ lệ 50% đối với phần vốn dự phòng rủi ro. Ví dụ, nếu ngân hàng có mức vốn đệm rủi ro là 2% thì phải nâng tỉ trọng đòn bẩy thêm 1%, qua đó sẽ đưa tỉ trọng đòn bẩy tối thiểu lên 4%.

Mười là, hình thành sản thu nhập lành mạnh hơn và nhạy cảm với rủi ro

Cải cách 2017 thay thế mức sản về vốn hiện hành bằng sản thu nhập lành mạnh hơn và nhạy cảm với rủi ro dựa trên các cách tiếp cận chuẩn mực đã điều chỉnh. Trong đó, sản thu nhập điều chỉnh sẽ giới hạn phần lợi nhuận vốn mà ngân hàng có thể thu được từ việc sử dụng các mô hình nội bộ, tương ứng với việc sử dụng các cách tiếp cận chuẩn mực. Mô hình nội bộ về tính toán RWAs không thể tạo ra kết quả tổng hợp, không bằng 72,5% RWAs khi tính toán theo các cách tiếp cận chuẩn mực. Nghĩa là, giảm tới 27,5% lợi nhuận mà ngân hàng có thể thu được nếu sử dụng mô hình tính toán nội bộ.

Nhìn chung, để áp dụng Basel III, các ngân hàng sẽ phải chuẩn bị một lượng vốn dồi dào, chấp nhận một mức đệm dự phòng lớn hơn để giảm rủi ro trong hoạt động. Việc này sẽ giúp ngân hàng đảm bảo thanh khoản, có đủ đệm vốn dự trữ chống chịu được các biến động bất thường của thị trường; đồng thời, nâng cao được vị thế và uy tín cho ngân hàng, từ đó, dễ dàng tiếp cận thị trường vốn quốc tế.

2.2. Việc triển khai và thực hiện Basel III tại các NHTM Việt Nam

Đối với Basel III, hiện chưa có bất kì quy định nào bắt buộc phải áp dụng toàn bộ tiêu chuẩn này cho các ngân hàng Việt Nam. Tuy nhiên, một số ngân hàng đã tiên phong trong việc triển khai Basel III. Chẳng hạn như NHTM cổ phần (NHTMCP) Quốc tế (VIB) đã triển khai áp dụng các chỉ số quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel III từ năm 2020. Giữa tháng 6/2021, NHTMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) cũng thông báo đã tiên phong triển khai việc nâng cấp áp dụng tiêu chuẩn Basel II lên Basel III. Vào cuối năm 2021, NHTMCP Tiên Phong (TPBank) và NHTMCP Hàng Hải (MSB) đã tuyên bố hoàn thành toàn bộ các yêu cầu của Basel III.

Sau đó, ngày 24/02/2022, NHTMCP Nam Á (Nam A Bank) cũng công bố triển khai và áp dụng các yêu cầu quản trị rủi ro theo Basel III, sau khi được công nhận tuân thủ cả 3 trụ cột theo chuẩn mực Basel II vào cuối năm 2021. Tiếp đó, ngày 19/5/2022, NHTMCP Đông Nam Á (SeABank) đã tổ chức tọa đàm

công bố kết quả triển khai và áp dụng các chuẩn mực Basel III vào hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động quản trị rủi ro của ngân hàng. Việc trở thành một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam triển khai và áp dụng Basel III giúp SeABank nâng cao năng lực quản trị, lành mạnh tài chính và minh bạch trong quản lý rủi ro.

Vào ngày 07/12/2022, NHTMCP Á Châu (ACB) đã công bố chính thức hoàn thành triển khai các nội dung trọng yếu ILAAP và chuẩn mực Basel III - một trong những chuẩn mực yêu cầu cao về vốn và quản trị rủi ro thanh khoản. Với thành công này, ACB tiếp tục nâng cao mức độ của bộ tiêu chuẩn về quản lý rủi ro.

Ngày 22/12/2022, NHTMCP Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank) công bố hoàn thành Chuẩn mực quản trị rủi ro Basel III và Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 9, trở thành một trong các tổ chức tín dụng tại Việt Nam áp dụng đồng thời hai chuẩn mực quản trị rủi ro và báo cáo tài chính khắt khe trong lĩnh vực ngân hàng trên toàn thế giới.

Basel III là chuẩn mực quản trị rủi ro đang được nhiều ngân hàng Việt Nam hướng đến, giúp các ngân hàng nâng cao năng lực vốn, kiểm tra sức chịu đựng của ngân hàng trong những tình huống xấu nhất và quản lý rủi ro thanh khoản. Trong khi đó, IFRS 9 là chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế quan trọng đối với ngân hàng. IFRS 9 mang lại những lợi ích lớn cho các tổ chức tài chính như tăng cường tính minh bạch, tăng khả năng so sánh, gia tăng chất lượng thông tin công bố, từ đó mở rộng

cánh cửa hội nhập vào thị trường vốn quốc tế.

Những chuẩn mực quốc tế này giúp ngân hàng đối phó với các tình huống rủi ro về tài chính, kinh tế và mở ra cơ hội tiếp cận với thị trường tài chính quốc tế. Không thể chối cãi những lợi ích to lớn từ việc áp dụng IFRS hay Basel III, nhưng việc thực hiện các tiêu chuẩn khắt khe lại không dễ dàng với phần lớn các ngân hàng. Thực tế cho thấy, sau hơn 12 năm ban hành Hiệp ước Basel III, chỉ một số ít NHTM đã triển khai và áp dụng thành công một hoặc cả hai tiêu chuẩn này hoặc đang trong quá trình áp dụng.

Nhờ vào chú trọng quản trị rủi ro mà những ngân hàng đi đầu về Basel II, Basel III, IFRS đang là những ngân hàng thuộc top đầu khả năng sinh lời, top đầu chất lượng tài sản tốt và được xếp hạng cao không chỉ trong nước mà quốc tế. Từ đó, các ngân hàng có cơ hội thu hút dòng vốn từ nước ngoài, nâng cao uy tín đối với khách hàng và các nhà đầu tư.

Chẳng hạn, VIB đã huy động được 260 triệu USD khoản vay hợp vốn quốc tế. Trong đợt công bố tháng 8/2022, VIB là một trong số các NHTM được xếp hạng top đầu năm 2021, dựa trên kết quả đánh giá với điểm số cao về an toàn vốn, chất lượng tài sản, quản trị điều hành, kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng thanh khoản.

Cuối năm 2022, Tổ chức xếp hạng Moody's Investors Service đã nâng xếp hạng của 12 ngân hàng Việt Nam, trong đó đều là những cái tên ngân hàng tiên phong trong hoạt động quản trị rủi ro. Điều này khẳng định, uy

tín của nhiều ngân hàng Việt trên thị trường quốc tế đang ngày càng được củng cố và nâng cao. Theo Thông tấn xã Việt Nam, các NHTM được cập nhật xếp hạng này bao gồm: NHTMCP An Bình (ABBank), NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), LienVietPostBank, NHTMCP Phương Đông (OCB), NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), SeABank, TPBank, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), VIB, NHTMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) và MSB. Trong đó, 08 ngân hàng được nâng xếp hạng nhà phát hành và tiền gửi nội tệ, ngoại tệ dài hạn bao gồm: Vietcombank, BIDV, OCB, SeABank, TPBank, Agribank, VIB và VietinBank; 07 ngân hàng được nâng hạng về rủi ro đối tác bằng nội tệ, ngoại tệ và đánh giá rủi ro đối tác bao gồm BIDV, Agribank, VietinBank, ABBank, LienVietPostBank, SHB và MSB.

2.3. Một số rào cản đối với NHTM Việt Nam khi triển khai thực hiện Basel III

Nhằm nâng cao khả năng đảm bảo thanh khoản và chống chịu trước các tình huống khủng hoảng, đã có một số ngân hàng chủ động áp dụng sớm chuẩn mực an toàn quốc tế Basel III. Tuy nhiên, ở Việt Nam, quá trình triển khai và thực hiện Basel III tại các NHTM còn gặp không ít rào cản, cụ thể:

Một là, thách thức về nguồn vốn. Đề áp dụng Basel III, các ngân hàng phải chuẩn bị một lượng vốn dồi dào, chấp nhận mức đệm dự phòng lớn hơn để giảm rủi ro trong hoạt động. Ngoài ra, các NHTM phải đáp ứng được những

tiêu chuẩn, chuẩn mực nhằm đảm bảo khả năng nắm bắt rủi ro. Đây là những thách thức lớn, phải là những ngân hàng có tiềm lực tài chính mạnh mới có thể đáp ứng.

Hai là, Việt Nam đang thiếu một trung tâm dữ liệu ngân hàng chính xác, đáng tin cậy và được cập nhật thường xuyên. Đề áp dụng thành công các trụ cột của Basel III đòi hỏi hệ thống ngân hàng phải có số liệu chính xác, đáng tin cậy và kịp thời. Nếu rủi ro không được tính toán chính xác, bị phóng đại hoặc ước lượng thấp đi có thể làm vô hiệu hóa tác dụng tích cực của Basel III. Đặc biệt, các dữ liệu hiện có tại các NHTM Việt Nam chủ yếu được quản lý trên hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) và trên các file excel mà chưa có một kho dữ liệu hợp nhất như yêu cầu của Hiệp ước Basel.

Ba là, thiếu cơ sở xếp hạng tín dụng thống nhất cho cả hệ thống ngân hàng. Hiện tại, NHNN chưa đưa ra một hệ thống quy chuẩn cho việc xây dựng hệ thống tại các NHTM, do đó việc xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ tại mỗi ngân hàng được theo quy định riêng của mỗi ngân hàng. Điều này dẫn đến một số bất cập trong việc so sánh, đánh giá cùng một đối tượng khách hàng nhưng lại có kết quả khác nhau. Mặt khác, để đáp ứng yêu cầu về đánh giá rủi ro tín dụng, đòi hỏi các ngân hàng phải chủ động trong khâu quản lý rủi ro, có hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ, đảm bảo chính xác cao, đồng thời phù hợp với chuẩn mực hiện nhiều ngân hàng đang sử dụng.

Bốn là, rào cản về chất lượng nguồn nhân lực. Một trong những



yếu tố quan trọng để áp dụng thành công Basel III là công tác đào tạo nguồn nhân lực nhằm trang bị những kiến thức tổng quát và các kỹ năng cần thiết. Hiện nay, năng lực giám sát, quản trị ngân hàng ở Việt Nam còn bất cập, chưa theo kịp nhịp độ phát triển, sự đa dạng hóa loại hình, công cụ tài chính cũng như sự phát triển năng động của thị trường. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, giám sát (cả vi mô, lẫn vĩ mô) chưa đáp ứng được yêu cầu của bối cảnh mới.

Năm là, NHTM Việt Nam chưa đáp ứng đủ điều kiện của Basel III, đặc biệt là yêu cầu cao về vốn. Việc ứng dụng đại trà chuẩn mực quản trị rủi ro nguyên mẫu theo Basel cho các NHTM Việt Nam cần một lộ trình để thích nghi do sự chênh lệch hiện tại về mức độ phát triển kinh tế và về trình độ công nghệ ngân hàng giữa Việt Nam với các quốc gia khác.

Sáu là, chi phí để áp dụng Basel III cao và khả năng tài chính của các NHTM Việt Nam còn có hạn. Việc triển khai và thực hiện các trụ cột theo Basel III đòi hỏi nhiều chi phí. Với gánh nặng phải tuân thủ các chuẩn mực Basel III, các ngân hàng ở châu Âu đã được ước tính phải bỏ ra hàng chục triệu USD để thực thi Basel III. Như vậy, thường chỉ có các ngân hàng lớn ở Việt Nam mới có đủ khả năng theo đuổi cuộc chơi tốn kém này.

3. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, nâng cao chất lượng dữ liệu của Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC). Việc phát triển cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia là nhiệm vụ cốt lõi, thường xuyên và liên tục. Vì vậy, CIC cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát triển cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng cả về chiều rộng và chiều sâu.

Thứ hai, hoàn thiện phương pháp xếp hạng tín dụng. Hiện nay, theo hướng dẫn của Hiệp ước an toàn vốn Basel III, hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ phải được xây dựng cho từng nhóm khách hàng với những tính chất rủi ro đặc thù khác nhau. Bên cạnh đó, hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ phải định lượng được xác suất vỡ nợ của khách hàng trong một khoảng thời gian nhất định ứng với từng hạng tín nhiệm cụ thể.

Mặt khác, NHNN cần đưa ra một hệ thống quy chuẩn cho việc xây dựng hệ thống tại các NHTM, nhằm khắc phục tình trạng mỗi NHTM xây dựng hệ

thống xếp hạng tín dụng nội bộ tại mỗi ngân hàng theo cách riêng, dẫn đến tổn kém chi phí và gây ra những bất cập, bất tương xứng trong việc so sánh, đánh giá cùng một đối tượng khách hàng.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm toán nội bộ và năng lực giám sát. Các NHTM cần nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm toán nội bộ. Định kỳ, kiểm toán nội bộ đánh giá hoạt động kinh doanh, tập trung vào các rủi ro chiến lược và rủi ro tác nghiệp, từ đó đưa ra các khuyến nghị để cấp quản lý rà soát, xác định và giải quyết. Yêu cầu bộ phận kiểm toán nội bộ phải có hiểu biết toàn diện về toàn bộ hoạt động ngân hàng, các vấn đề pháp lý và quy định.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Xây dựng chiến lược đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trung và dài hạn có đủ khả năng đón đầu phát triển hệ thống NHTM Việt Nam trong thời gian tới. Chế độ ưu đãi cần thiết đối với những chuyên viên, cán bộ trong lĩnh vực ngân hàng cũng cần được quan tâm. Tránh để xảy ra tình trạng chảy máu chất xám trong điều kiện Việt Nam hiện nay, đồng thời, nâng cao đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của cán bộ ngân hàng.

Thứ năm, nâng cao nguồn vốn theo yêu cầu của Basel III. Các ngân hàng có quy mô vốn trung bình và nhỏ đang chật vật trong việc đáp ứng và giữ các tiêu chí của Basel II, do đó rất khó để tiến đến các quy định của Basel III. Vì thế, các NHTM cần quan tâm cải thiện hiệu suất kinh doanh, tăng lợi nhuận sau thuế, tăng vốn đệm, đặc biệt chú trọng hệ số an toàn vốn. Bên cạnh đó, quan tâm hơn đến việc xử lý rủi ro tín dụng; tính thị trường của các rủi ro liên quan đến tài sản ngân hàng đang nắm giữ, sau đó tiến đến một lộ trình phù hợp để triển khai thực hiện Basel III. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Basel Committee on Banking Supervision, 2010. Countercyclical capital buffer proposal, Bank for International Settlements.
2. Phan Thị Hoàng Yến, 2019. Thực trạng áp dụng Basel tại Việt Nam, truy cập từ <https://thitruongtaichinhthiente.vn/thuc-trang-ap-dung-basel-tai-viet-nam-22800.html>
3. Quỳnh Trang, 2022. Chủ động tiến tới Basel III, truy cập từ <https://thoibaonganhang.vn/chu-dong-tien-toi-basel-iii-134586.html>
4. Thủy Tiên, 2020. Đi trước làm việc khó, một ngân hàng thí điểm chuẩn mực Basel III tại Việt Nam, truy cập từ <https://tapchitaichinh.vn/di-truoc-lam-viec-kho-mot-ngan-hang-thi-diem-chuan-muc-basel-iii-tai-viet-nam.html>
5. Thanh Anh, 2022. Nhiều ngân hàng chuẩn bị hoàn thành Basel III, truy cập từ <https://cafe.vn/nhieu-ngan-hang-chuan-bi-hoan-thanh-basel-iii-20220822165102483.chn>